Ký bởi: Sở Y tế
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 12/05/2022 15:31:24

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ KẾ HOẠCH THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU MUA THUỐC NĂM 2022 CỦA BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày /5/2022 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Số thứ tự KH	Tên hoạt chất	Nhóm KT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT nhỏ nhất	Số lượng	Giá kế hoạch đã được phê duyệt (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã được phê duyệt (VNĐ)	Giá kế hoạch điều chỉnh (VNĐ)	Thành tiền điều chỉnh (VND)
1	1	Vaccin phòng uốn ván	N4	≥ 40 IU/ 0,5ml Giải độc tố uốn ván tinh chế	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm	Ống	500	12,180	6,090,000	13,440	6,720,000
2	4	Vắc xin phòng bệnh tiêu chảy do Rotavirus	N4	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8] ≥ 2 triệu PFU/2 ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/ Tuýp/lọ	1,000	349,650	349,650,000	349,986	349,986,000
3	20	Vắc xin phòng Viêm gan B	N2	Kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (HbsAg): 20mcg/1ml	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm	Liều	100	109,200	10,920,000	115,810	11,581,000
4	21	Vắc xin phòng Viêm gan B	N2	Kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (HbsAg): 10mcg/0,5 ml	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm	Liều	300	63,000	18,900,000	70,774	21,232,200
5	28	Vắc xin tổng hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B	N1	Mỗi liều 0,5ml chứa: * Giải độc tố bạch hầu: * Giải độc tố uốn ván * Kháng nguyên Bordetella pertussis: gồm Giải độc tố ho gà (PT) và Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) * Virus bại liệt (bất hoạt): – Týp 1 (Mahoney): – Týp 2 (MEF-1): – Týp 3 (Saukett): * Kháng nguyên bề mặt viêm gan B * Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): cộng hợp với protein uốn ván, hàm lượng : không dưới 20IU không dưới 40 IU; 25mcg - 25mcg; 40 đơn vị Kháng nguyên D 8 đơn vị Kháng nguyên D 32 đơn vị Kháng nguyên D, lOmcg; 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm	Liều	2,000	824,000	1,648,000,000	865,200	1,730,400,000
6	68	Insulin glulisine	N1	300 IU/3ml	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm/Bút tiêm/Xy	100	199,000	19,900,000	200,000	20,000,000
		Tổng cộng các nhóm	**N1**	**02 mặt hàng**						1,667,900,000		1,750,400,000
			N2	**02 mặt hàng**						29,820,000		32,813,200
			N4	**02 mặt hàng**						355,740,000		356,706,000
TỔNG CỘNG				**06 mặt hàng**						**2,053,460,000**		**2,139,919,200**